

# **BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

**CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG VÀ ĐẦU TƯ SÔNG ĐÀ 9**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2014

(đã được kiểm toán)

**CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG VÀ ĐẦU TƯ SÔNG ĐÀ 9**

Tầng 5, Toà nhà Rainbow, Khu đô thị Văn Quán,  
phường Văn Quán, quận Hà Đông, thành phố Hà Nội

---

**NỘI DUNG**

	<b>Trang</b>
Báo cáo của Ban Giám đốc	02-03
Báo cáo kiểm toán độc lập	04-05
Báo cáo tài chính đã được kiểm toán	06-35
Bảng cân đối kế toán	06-08
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh	09
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ	10-11
Thuyết minh báo cáo tài chính	12-35



## CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG VÀ ĐẦU TƯ SÔNG ĐÀ 9

Tầng 5, Toà nhà Rainbow, Khu đô thị Văn Quán,  
phường Văn Quán, quận Hà Đông, thành phố Hà Nội

### BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Xây dựng và Đầu tư Sông Đà 9 (sau đây gọi tắt là "Công ty") trình bày Báo cáo của mình và Báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014.

#### CÔNG TY

Công ty Cổ phần Xây dựng và Đầu tư Sông Đà 9 được thành lập theo Quyết định số 29/2010/QĐ-HĐQT ngày 08/05/2010 của Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Sông Đà 9 về việc chuyển đổi Công ty TNHH MTV Cơ khí và Sửa chữa Sông Đà 9 thành Công ty Cổ phần Xây dựng và Đầu tư Sông Đà 9 và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp công ty cổ phần số 0500574676 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 31 tháng 5 năm 2010, đăng ký thay đổi lần thứ hai ngày 03 tháng 06 năm 2014.

Trụ sở của Công ty tại: Tầng 5, Toà nhà Rainbow, Khu đô thị Văn Quán, phường Văn Quán, quận Hà Đông, thành phố Hà Nội.

#### HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN GIÁM ĐỐC VÀ BAN KIỂM SOÁT

Các thành viên của Hội đồng Quản trị trong năm và tại ngày lập báo cáo này bao gồm:

Ông Nguyễn Công Hùng	Chủ tịch	Bổ nhiệm ngày 18/04/2014
Ông Nguyễn Đăng Lanh	Chủ tịch	Miễn nhiệm ngày 18/04/2014
Ông Nguyễn Văn Đại	Ủy viên	
Ông Nguyễn Chính Đại	Ủy viên	
Ông Trần Nhân Nghĩa	Ủy viên	Bổ nhiệm ngày 18/04/2014
Ông Nguyễn Duy Quang	Ủy viên	Miễn nhiệm ngày 18/04/2014

Các thành viên của Ban Giám đốc đã điều hành Công ty trong năm và tại ngày lập báo cáo này bao gồm:

Ông Hoàng Công Tuấn	Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 16/01/2015
Ông Nguyễn Công Hùng	Giám đốc	Miễn nhiệm ngày 16/01/2015
Ông Nguyễn Chính Đại	Phó Giám đốc	
Ông Nguyễn Quang Hưng	Phó Giám đốc	
Ông Lê Công Viên	Phó Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 01/03/2014

Các thành viên của Ban Kiểm soát bao gồm:

Bà Nguyễn Thị Lệ Hằng	Trưởng ban	
Ông Phan Thanh Hải	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 18/04/2014
Ông Nguyễn Quang Hưng	Thành viên	Miễn nhiệm ngày 18/04/2014
Ông Quán Thanh Sơn	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 18/04/2014
Ông Nguyễn Đức Thọ	Thành viên	Miễn nhiệm ngày 18/04/2014

#### KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC đã thực hiện kiểm toán các Báo cáo tài chính cho Công ty.

## CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG VÀ ĐẦU TƯ SÔNG ĐÀ 9

Tầng 5, Toà nhà Rainbow, Khu đô thị Văn Quán,  
phường Văn Quán, quận Hà Đông, thành phố Hà Nội

### CÔNG BỐ TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập Báo cáo tài chính phản ánh trung thực, hợp lý tình hình hoạt động, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong quá trình lập Báo cáo tài chính, Ban Giám đốc Công ty cam kết đã tuân thủ các yêu cầu sau:

- Xây dựng và duy trì kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc và Ban quản trị Công ty xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính không còn sai sót trọng yếu do gian lận hoặc do nhầm lẫn;
- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Đưa ra các đánh giá và dự đoán hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán được áp dụng có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu đến mức cần phải công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính hay không;
- Lập và trình bày các Báo cáo tài chính trên cơ sở tuân thủ các Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định hiện hành có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính;
- Lập các Báo cáo tài chính dựa trên cơ sở hoạt động kinh doanh liên tục, trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Giám đốc Công ty đảm bảo rằng các sổ kế toán được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty, với mức độ trung thực, hợp lý tại bất cứ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính tuân thủ các quy định hiện hành của Nhà nước. Đồng thời có trách nhiệm trong việc bảo đảm an toàn tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn, phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Ban Giám đốc Công ty cam kết rằng Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2014, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014, phù hợp với Chuẩn mực, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và tuân thủ các quy định hiện hành có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

#### Cam kết khác

Ban Giám đốc cam kết rằng Công ty không vi phạm nghĩa vụ công bố thông tin theo quy định tại Thông tư số 52/2012/TT-BTC ngày 05 tháng 04 năm 2012 của Bộ Tài chính hướng dẫn về việc công bố thông tin trên thị trường chứng khoán.



Hoàng Công Tuấn  
Giám đốc

Hà Nội, ngày 29 tháng 01 năm 2015

## BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: Quý Cổ đông, Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc  
Công ty Cổ phần Xây dựng và Đầu tư Sông Đà 9

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Xây dựng và Đầu tư Sông Đà 9 được lập ngày 29 tháng 01 năm 2015, từ trang 06 đến trang 35, bao gồm: Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2014, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014 và Thuyết minh báo cáo tài chính.

### Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính của Công ty theo Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

### Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

**Ý kiến của Kiểm toán viên**

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Xây dựng và Đầu tư Sông Đà 9 tại ngày 31 tháng 12 năm 2014, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

**Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC**



---

**Nguyễn Thanh Tùng**  
Phó Tổng Giám đốc  
Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán  
Số: 0063-2013-002-1

---

**Vũ Xuân Biển**  
Kiểm toán viên  
Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán  
Số: 0743-2013-002-1

*Hà Nội, ngày 04 tháng 02 năm 2015*

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2014

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	31/12/2014 VND	01/01/2014 VND
100	<b>A. TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>		<b>209.795.236.850</b>	<b>153.289.084.039</b>
110	<b>I. Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	3	<b>15.824.868.599</b>	<b>18.344.952.319</b>
111	1. Tiền		9.824.868.599	18.344.952.319
112	2. Các khoản tương đương tiền		6.000.000.000	-
130	<b>III. Các khoản phải thu ngắn hạn</b>		<b>111.560.206.050</b>	<b>83.411.196.826</b>
131	1. Phải thu của khách hàng		106.234.469.109	79.279.332.399
132	2. Trả trước cho người bán		3.765.814.401	1.588.017.005
135	5. Các khoản phải thu khác	4	2.164.690.939	3.148.615.821
139	6. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi		(604.768.399)	(604.768.399)
140	<b>IV. Hàng tồn kho</b>	5	<b>77.806.723.564</b>	<b>46.906.143.692</b>
141	1. Hàng tồn kho		77.827.761.096	46.927.181.224
149	2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho		(21.037.532)	(21.037.532)
150	<b>V. Tài sản ngắn hạn khác</b>		<b>4.603.438.637</b>	<b>4.626.791.202</b>
151	1. Chi phí trả trước ngắn hạn	6	230.944.150	-
152	2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ		770.411.934	-
158	5. Tài sản ngắn hạn khác	7	3.602.082.553	4.626.791.202
200	<b>B. TÀI SẢN DÀI HẠN</b>		<b>64.585.445.506</b>	<b>45.015.800.262</b>
220	<b>II. Tài sản cố định</b>		<b>62.102.108.963</b>	<b>44.108.601.054</b>
221	1. Tài sản cố định hữu hình	8	60.888.201.742	43.276.653.833
222	- Nguyên giá		92.914.048.823	69.005.039.215
223	- Giá trị hao mòn lũy kế		(32.025.847.081)	(25.728.385.382)
230	4. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	9	1.213.907.221	831.947.221
260	<b>V. Tài sản dài hạn khác</b>		<b>2.483.336.543</b>	<b>907.199.208</b>
261	1. Chi phí trả trước dài hạn	10	2.286.840.353	907.199.208
268	3. Tài sản dài hạn khác		196.496.190	-
270	<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN</b>		<b>274.380.682.356</b>	<b>198.304.884.301</b>

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2014

(tiếp theo)

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	31/12/2014	01/01/2014
			VND	VND
300	<b>A. NỢ PHẢI TRẢ</b>		<b>207.679.048.385</b>	<b>138.933.787.597</b>
310	<b>I. Nợ ngắn hạn</b>		<b>195.244.044.609</b>	<b>128.153.031.821</b>
311	1. Vay và nợ ngắn hạn	11	86.445.241.996	56.639.879.150
312	2. Phải trả người bán		35.791.913.683	24.000.309.804
313	3. Người mua trả tiền trước		48.855.307.235	23.250.431.908
314	4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	12	7.639.818.764	11.622.959.894
315	5. Phải trả người lao động		9.519.736.721	7.600.511.721
316	6. Chi phí phải trả	13	4.220.819.602	155.580.812
319	9. Các khoản phải trả, phải nộp khác	14	2.187.245.277	4.653.881.828
323	11. Quỹ khen thưởng, phúc lợi		583.961.331	229.476.704
330	<b>II. Nợ dài hạn</b>		<b>12.435.003.776</b>	<b>10.780.755.776</b>
334	4. Vay và nợ dài hạn	15	12.435.003.776	10.780.755.776
400	<b>B. VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>		<b>66.701.633.971</b>	<b>59.371.096.704</b>
410	<b>I. Vốn chủ sở hữu</b>	16	<b>66.701.633.971</b>	<b>59.371.096.704</b>
411	1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu		50.000.000.000	50.000.000.000
417	7. Quỹ đầu tư phát triển		2.621.244.950	1.980.820.415
418	8. Quỹ dự phòng tài chính		913.064.515	592.852.248
420	10. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		13.167.324.506	6.797.424.041
440	<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN</b>		<b>274.380.682.356</b>	<b>198.304.884.301</b>

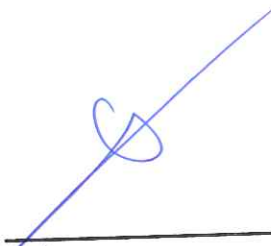


## CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

CHỈ TIÊU	31/12/2014	01/01/2014
5. Ngoại tệ các loại		
- Đồng đô la Mỹ (USD)	94,73	100,11



Lê Thị Thu Hiền  
Người lập



Trần Kim Sơn  
Kế toán trưởng



Hoàng Công Tuấn  
Giám đốc

Hà Nội, ngày 29 tháng 01 năm 2015

**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH**

Năm 2014

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm 2014	Năm 2013
			VND	VND
01	1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	17	218.966.824.436	184.411.281.701
02	2. Các khoản giảm trừ doanh thu		-	540.218.876
10	3. Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ		218.966.824.436	183.871.062.825
11	4. Giá vốn hàng bán	18	185.299.096.685	158.815.411.427
20	5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ		33.667.727.751	25.055.651.398
21	6. Doanh thu hoạt động tài chính	19	51.951.223	134.596.865
22	7. Chi phí tài chính	20	6.573.899.039	6.202.927.425
23	<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>		6.573.837.893	6.185.114.766
24	8. Chi phí bán hàng	21	174.045.456	93.867.348
25	9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	22	13.265.804.265	9.872.007.553
30	10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh		13.705.930.214	9.021.445.937
31	11. Thu nhập khác	23	98.034.482	628.201.315
32	12. Chi phí khác	24	2.632.647.669	521.990.094
40	13. Lợi nhuận khác		(2.534.613.187)	106.211.221
50	14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế		11.171.317.027	9.127.657.158
51	15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	25	3.028.440.133	2.412.411.813
60	17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp		<u>8.142.876.894</u>	<u>6.715.245.345</u>
70	18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	26	1.629	1.343

Lê Thị Thu Hiền  
Người lập

Trần Kim Sơn  
Kế toán trưởng

Hoàng Công Tuấn  
Giám đốc

Hà Nội, ngày 29 tháng 01 năm 2015

## BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

Năm 2014

(Theo phương pháp gián tiếp)

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm 2014	Năm 2013
			VND	VND
	<b>I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH</b>			
01	1. Lợi nhuận trước thuế		11.171.317.027	9.127.657.158
	2. Điều chỉnh cho các khoản			
02	- Khấu hao tài sản cố định		6.748.917.127	5.612.362.827
03	- Các khoản dự phòng		-	625.805.931
04	- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện		61.146	-
05	- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư		(96.937.351)	(134.596.865)
06	- Chi phí lãi vay		6.573.837.893	6.185.114.766
08	3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động		24.397.195.842	21.416.343.817
09	- Tăng, giảm các khoản phải thu		(27.865.029.176)	(41.522.746.139)
10	- Tăng, giảm hàng tồn kho		(30.900.579.872)	6.980.380.209
11	- Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)		40.903.739.581	12.214.191.006
12	- Tăng, giảm chi phí trả trước		(1.610.585.295)	331.947.249
13	- Tiền lãi vay đã trả		(6.555.963.648)	(6.137.647.433)
14	- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp		(4.578.895.462)	(1.630.574.769)
15	- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh		-	393.732.518
16	- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh		(657.344.372)	(578.257.194)
20	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh		(6.867.462.402)	(8.532.630.736)
	<b>II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ</b>			
21	1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác		(24.780.813.908)	(6.129.507.926)
22	2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác		83.375.000	-
27	7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia		35.267.890	134.596.865
30	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư		(24.662.171.018)	(5.994.911.061)
	<b>III LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH</b>			
33	3. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được		174.348.028.035	117.178.908.049
34	4. Tiền chi trả nợ gốc vay		(142.888.417.189)	(93.016.153.315)
36	6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu		(2.450.000.000)	(3.371.745.862)
40	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính		29.009.610.846	20.791.008.872
50	Lưu chuyển tiền thuần trong năm		(2.520.022.574)	6.263.467.075

**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ**

Năm 2014

(Theo phương pháp gián tiếp)

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm 2014	Năm 2013
			VND	VND
60	Tiền và các khoản tương đương tiền đầu năm		18.344.952.319	12.081.485.244
61	Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ		(61.146)	-
70	Tiền và các khoản tương đương tiền cuối năm	3	<u>15.824.868.599</u>	<u>18.344.952.319</u>

*(Handwritten signature)*

*(Handwritten signature)*



*(Handwritten signature)*

Lê Thị Thu Hiền  
Người lập

Trần Kim Sơn  
Kế toán trưởng

Hoàng Công Tuấn  
Giám đốc

Hà Nội, ngày 29 tháng 01 năm 2015

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm 2014

### 1 . THÔNG TIN CHUNG

#### 1.1 . Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Xây dựng và Đầu tư Sông Đà 9 được thành lập theo Quyết định số 29/2010/QĐ-HĐQT ngày 08/05/2010 của Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Sông Đà 9 về việc chuyển đổi Công ty TNHH MTV Cơ khí và Sửa chữa Sông Đà 9 thành Công ty Cổ phần Xây dựng và Đầu tư Sông Đà 9 và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp công ty cổ phần số 0500574676 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 31 tháng 5 năm 2010, đăng ký thay đổi lần thứ hai ngày 03 tháng 06 năm 2014.

Trụ sở của Công ty tại: Tầng 5, Toà nhà Rainbow, Khu đô thị Văn Quán, phường Văn Quán, quận Hà Đông, thành phố Hà Nội.

Vốn điều lệ của Công ty thực góp đến ngày 31 tháng 12 năm 2014 là 50.000.000.000 đồng; tương đương 5.000.000 cổ phần, mệnh giá một cổ phần là 10.000 đồng.

Từ ngày 29/05/2014 Công ty Cổ phần Xây dựng và Đầu tư Sông Đà 9 được chấp thuận đăng ký chứng khoán tại Trung tâm lưu ký chứng khoán Việt Nam theo GCN số 36/2014/GCNCP-VSD ngày 29/05/2014, với mã chứng khoán là SCI.

#### 1.2 . Ngành nghề kinh doanh

Hoạt động kinh doanh của Công ty gồm:

- Xây dựng nhà các loại, xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng;
- Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác: xây dựng công trình công nghiệp, trừ nhà cửa như: Các nhà máy lọc dầu, các xưởng hóa chất, xây dựng công trình cửa như: đường thủy, bến cảng và các công trình trên sông, các cảng du lịch, cửa cống... Đập và đê, xây dựng đường hầm; các công việc xây dựng khác không phải nhà như: các công trình thể thao ngoài trời;
- Xây dựng công trình đường sắt và đường bộ; Xây dựng công trình công ích;
- Hoạt động xây dựng chuyên dụng: Xây dựng nền móng của tòa nhà gồm đóng cọc, thử độ ẩm và các công việc thử nước, Chống ẩm các tòa nhà, chôn chân trụ, dỡ bỏ các phần thép không tự sản xuất, uốn thép, xây gạch và đặt đá, lợp mái bao phủ tòa nhà; Dụng giàn giáo và các công việc tạo dựng mặt bằng bằng dỡ bỏ hoặc phá hủy các công trình xây dựng trừ việc thuê giàn giáo và mặt bằng, dỡ bỏ ống khói và các nồi hơi công nghiệp, các công việc đòi hỏi chuyên môn cần thiết như kỹ năng treo và sử dụng các thiết bị liên quan, ví dụ làm việc ở tầng cao trên các công trình cao; Các công việc dưới bề mặt; Xây dựng bể bơi ngoài trời; Rửa bằng hơi nước, nổ cát và các hoạt động tương tự cho bề ngoài tòa nhà; Thuê cần trục có người điều khiển;
- Phá dỡ, chuẩn bị mặt bằng: làm sạch mặt bằng xây dựng; vận chuyển đất: đào, lấp, san mặt bằng và ủi tại các mặt bằng xây dựng, tiêu nước, vận chuyển đá, nổ mìn. Chuẩn bị mặt bằng để khai thác như: chuyển vật cồng kềnh và các hoạt động chuẩn bị, phát triển khác đối với các mặt bằng và tài sản khoáng sản, ngoại trừ ở những vùng dầu và khí; Khoan thăm dò, khoan lỗ kiểm tra, lấy mẫu thử để kiểm tra về địa chất, địa vật lý hoặc các mục đích tương tự; hệ thống cấp thoát nước mặt bằng xây dựng; hệ thống cấp thoát nước nông nghiệp và lâm nghiệp;
- Lắp đặt hệ thống xây dựng khác; Lắp đặt hệ thống điện;
- Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, lò sưởi và điều hòa không khí; Hoàn thiện công trình xây dựng;
- Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng;
- Sản xuất vật liệu xây dựng từ đất sét; Sản xuất bê tông và các sản phẩm từ xi măng và thạch cao;

**Ngành nghề kinh doanh (tiếp theo)**

- Khai thác đá, cát, sỏi, đất sét; Bán buôn nhiên liệu rắn, lỏng, khí và các sản phẩm liên quan;
- Bán buôn máy móc thiết bị và phụ tùng máy khác: Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khai khoáng, xây dựng; Bán buôn máy móc, thiết bị điện, vật liệu điện (máy phát điện, động cơ điện, dây điện và thiết bị khác dùng trong mạch điện như máy biến thế, rowle, cầu dao, cầu chì,...); Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy văn phòng (trừ máy vi tính và thiết bị ngoại vi); Bán buôn máy móc, thiết bị phụ tùng máy công nghiệp;
- Sửa chữa máy móc, thiết bị;
- Khai thác quặng sắt (Chỉ hoạt động sau khi được cơ quan có thẩm quyền của Nhà nước cho phép);
- Vận tải hàng hóa bằng đường bộ;
- Sản xuất, truyền tải và phân phối điện: Sản xuất, truyền tải và phân phối điện; Mua bán điện;
- Cho thuê xe có động cơ: Cho thuê ô tô;
- Cho thuê máy móc, thiết bị và đồ dùng hữu hình khác: Cho thuê máy móc, thiết bị nông, lâm nghiệp;
- Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác còn lại chưa được phân vào đâu: Xuất nhập khẩu các mặt hàng Công ty kinh doanh (trừ mặt hàng Nhà nước cấm);
- Bán buôn ô tô và xe có động cơ khác; Bán lẻ ô tô con (loại 12 chỗ ngồi trở xuống); Bảo dưỡng, sửa chữa ô tô và xe có động cơ khác; Bán mô tô, xe máy; Bảo dưỡng và sửa chữa mô tô, xe máy;
- Gia công cơ khí, xử lý và tráng phủ kim loại;
- Sản xuất sản phẩm khác bằng kim loại chưa được phân vào đâu: Sản xuất sản phẩm khác bằng kim loại.

**2 . CHẾ ĐỘ VÀ CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG TẠI CÔNG TY**

**2.1 . Kỳ kế toán, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán**

Kỳ kế toán năm của Công ty bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm.

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là đồng Việt Nam (VND).

**2.2 . Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng**

*Chế độ kế toán áp dụng*

Công ty áp dụng Chế độ Kế toán doanh nghiệp ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20/03/2006 đã được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại Thông tư 244/2009/TT-BTC ngày 31/12/2009 của Bộ trưởng Bộ Tài chính.

*Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán*

Công ty đã áp dụng các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và các văn bản hướng dẫn Chuẩn mực do Nhà nước đã ban hành. Các báo cáo tài chính được lập và trình bày theo đúng mọi quy định của từng chuẩn mực, thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và Chế độ kế toán hiện hành đang áp dụng.

*Hình thức kế toán áp dụng*

Công ty áp dụng hình thức kế toán trên máy vi tính.

### 2.3 . Công cụ tài chính

#### *Ghi nhận ban đầu*

##### Tài sản tài chính

Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền và các khoản tương đương tiền, các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác, các khoản cho vay, các khoản đầu tư ngắn hạn và dài hạn. Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được xác định theo giá mua/chi phí phát hành cộng các chi phí phát sinh khác liên quan trực tiếp đến việc mua, phát hành tài sản tài chính đó.

##### Nợ phải trả tài chính

Nợ phải trả tài chính của Công ty bao gồm các khoản vay, các khoản phải trả người bán và phải trả khác, chi phí phải trả. Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá phát hành cộng các chi phí phát sinh liên quan trực tiếp đến việc phát hành nợ phải trả tài chính đó.

#### *Giá trị sau ghi nhận ban đầu*

Hiện tại chưa có các quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

### 2.4 . Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng, các khoản đầu tư ngắn hạn có thời gian đáo hạn không quá 03 tháng, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

### 2.5 . Các khoản phải thu

Các khoản phải thu được trình bày trên Báo cáo tài chính theo giá trị ghi sổ các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác sau khi trừ đi các khoản dự phòng được lập cho các khoản nợ phải thu khó đòi.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi được trích lập cho từng khoản phải thu khó đòi căn cứ vào tuổi nợ quá hạn của các khoản nợ hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra.

### 2.6 . Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được tính theo giá gốc. Trường hợp giá trị thuần có thể thực hiện được thấp hơn giá gốc thì hàng tồn kho được tính theo giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Giá trị hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân sau mỗi lần nhập.

Phương pháp xác định giá trị sản phẩm dở dang: chi phí sản xuất kinh doanh dở dang được tập hợp theo từng công trình chưa hoàn thành hoặc chưa ghi nhận doanh thu.

Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập vào thời điểm cuối năm là số chênh lệch giữa giá gốc của hàng tồn kho lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được.

**2.7 . Tài sản cố định và khấu hao tài sản cố định**

Tài sản cố định hữu hình được ghi nhận theo giá gốc. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định hữu hình được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

Khấu hao được trích theo phương pháp đường thẳng. Thời gian khấu hao được ước tính như sau:

- Nhà cửa, vật kiến trúc	15 - 40	năm
- Máy móc, thiết bị	03 - 10	năm
- Phương tiện vận tải	04 - 10	năm
- Thiết bị văn phòng	03 - 08	năm

**2.8 . Các khoản đầu tư tài chính**

Các khoản đầu tư tài chính tại thời điểm báo cáo, nếu:

- Kỳ phiếu, tín phiếu kho bạc, tiền gửi ngân hàng có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng kể từ ngày mua khoản đầu tư đó được coi là "tương đương tiền";
- Có thời hạn thu hồi vốn dưới 1 năm hoặc trong 1 chu kỳ kinh doanh được phân loại là tài sản ngắn hạn;
- Có thời hạn thu hồi vốn trên 1 năm hoặc hơn 1 chu kỳ kinh doanh được phân loại là tài sản dài hạn.

**2.9 . Chi phí đi vay**

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm khi phát sinh, trừ chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang được tính vào giá trị của tài sản đó (được vốn hoá) khi có đủ các điều kiện quy định trong Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 16 "Chi phí đi vay".

Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang cần có thời gian đủ dài (trên 12 tháng) để có thể đưa vào sử dụng theo mục đích định trước hoặc bán thì được tính vào giá trị của tài sản đó (được vốn hoá), bao gồm các khoản lãi tiền vay, phân bổ các khoản chiết khấu hoặc phụ trội khi phát hành trái phiếu, các khoản chi phí phụ phát sinh liên quan tới quá trình làm thủ tục vay.

**2.10 . Chi phí trả trước**

Các chi phí trả trước chỉ liên quan đến chi phí sản xuất kinh doanh của một năm tài chính hoặc một chu kỳ kinh doanh được ghi nhận là chi phí trả trước ngắn hạn và được tính vào chi phí sản xuất kinh doanh trong năm tài chính.

Các chi phí đã phát sinh trong năm tài chính nhưng liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều niên độ kế toán được hạch toán vào chi phí trả trước dài hạn để phân bổ dần vào kết quả hoạt động kinh doanh trong các niên độ kế toán sau.

Việc tính và phân bổ chi phí trả trước dài hạn vào chi phí sản xuất kinh doanh từng kỳ hạch toán được căn cứ vào tính chất, mức độ từng loại chi phí để chọn phương pháp và tiêu thức phân bổ hợp lý. Chi phí trả trước được phân bổ dần vào chi phí sản xuất kinh doanh theo phương pháp đường thẳng.

**2.11 . Chi phí phải trả**

Các khoản chi phí thực tế chưa phát sinh nhưng được trích trước vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm để đảm bảo khi chi phí phát sinh thực tế không gây đột biến cho chi phí sản xuất kinh doanh trên cơ sở đảm bảo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí. Khi các chi phí đó phát sinh, nếu có chênh lệch với số đã trích, kế toán tiến hành ghi bổ sung hoặc ghi giảm chi phí tương ứng với phần chênh lệch.



## 2.12 . Vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối là số lợi nhuận từ các hoạt động của doanh nghiệp sau khi trừ (-) các khoản điều chỉnh do áp dụng hồi tố thay đổi chính sách kế toán và điều chỉnh hồi tố sai sót trọng yếu của các năm trước. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể được chia cho các nhà đầu tư dựa trên tỷ lệ góp vốn sau khi được Đại hội đồng cổ đông thông qua và sau khi đã trích lập các quỹ dự phòng theo Điều lệ Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam.

Cổ tức phải trả cho các cổ đông được ghi nhận là khoản phải trả trong Bảng Cân đối kế toán của Công ty sau khi có Nghị quyết chia cổ tức của Đại hội đồng cổ đông Công ty và thông báo ngày chốt quyền nhận cổ tức của Trung tâm Lưu ký chứng khoán Việt Nam.

## 2.13 . Các nghiệp vụ bằng ngoại tệ

Các nghiệp vụ phát sinh bằng các đơn vị tiền tệ khác với đơn vị tiền tệ kế toán của Công ty (VND) được hạch toán theo tỷ giá giao dịch vào ngày phát sinh nghiệp vụ. Tại ngày kết thúc năm tài chính, các khoản mục tiền tệ (tiền mặt, tiền gửi, tiền đang chuyển, nợ phải thu, nợ phải trả không bao gồm các khoản Người mua ứng trước và Ứng trước cho người bán, Doanh thu nhận trước) có gốc ngoại tệ được đánh giá lại theo tỷ giá mua vào của ngân hàng thương mại nơi Công ty mở tài khoản công bố tại thời điểm lập Báo cáo tài chính. Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá thực tế phát sinh trong kỳ và chênh lệch do đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối năm được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh của năm tài chính.

## 2.14 . Ghi nhận doanh thu

### *Doanh thu bán hàng*

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa đã được chuyển giao cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng;
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

### *Doanh thu cung cấp dịch vụ*

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp việc cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều năm thì doanh thu được ghi nhận trong năm theo kết quả phân công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán của năm đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán;
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Phần công việc cung cấp dịch vụ đã hoàn thành được xác định theo phương pháp đánh giá công việc hoàn thành.

*Doanh thu hợp đồng xây dựng*

Phần công việc hoàn thành của Hợp đồng xây dựng làm cơ sở xác định doanh thu được xác định theo phương pháp đánh giá phần công việc đã hoàn thành, được khách hàng xác nhận bằng nghiệm thu, quyết toán, đã phát hành hoá đơn phù hợp với Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 15 - Hợp đồng xây dựng.

*Doanh thu hoạt động tài chính*

Doanh thu phát sinh từ tiền lãi, cổ tức, lợi nhuận được chia và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời hai (2) điều kiện sau:

- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;

Cổ tức, lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc được quyền nhận lợi nhuận từ việc góp vốn;

Cổ phiếu thưởng hay cổ tức trả bằng cổ phiếu: Không có khoản thu nhập nào được ghi nhận khi quyền được nhận cổ phiếu thưởng hay cổ tức bằng cổ phiếu được xác lập.

**2.15 . Ghi nhận chi phí tài chính**

Các khoản chi phí được ghi nhận vào chi phí tài chính gồm:

- Chi phí hoặc các khoản lỗ liên quan đến các hoạt động đầu tư tài chính;
- Chi phí đi vay vốn;
- Các khoản lỗ do thay đổi tỷ giá hối đoái của các nghiệp vụ phát sinh liên quan đến ngoại tệ.

Các khoản trên được ghi nhận theo tổng số phát sinh trong năm, không bù trừ với doanh thu hoạt động tài chính.

**2.16 . Các khoản thuế**

*Thuế hiện hành*

Tài sản thuế và các khoản thuế phải nộp cho năm tài chính hiện hành và các năm tài chính trước được xác định bằng số tiền dự kiến phải nộp cho (hoặc được thu hồi từ) cơ quan thuế, dựa trên các mức thuế suất và các luật thuế có hiệu lực đến ngày kết thúc kỳ tính thuế năm.

**2.17 . Các bên liên quan**

Các doanh nghiệp, trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian, có quyền kiểm soát Công ty hoặc chịu sự kiểm soát của Công ty, hoặc cùng chung sự kiểm soát với Công ty, bao gồm cả công ty mẹ, công ty con và công ty liên kết là các bên liên quan. Các bên liên kết, các cá nhân trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Công ty mà có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty, những nhân sự quản lý chủ chốt của Công ty, những thành viên mật thiết trong gia đình của các cá nhân này hoặc các bên liên kết này hoặc những công ty liên kết với các cá nhân này cũng được coi là bên liên quan.

Trong việc xem xét từng mối quan hệ của các bên liên quan, cần chú ý tới bản chất của mối quan hệ chứ không chỉ hình thức pháp lý của các quan hệ đó.

**CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG VÀ ĐẦU TƯ SÔNG ĐÀ 9**Tầng 5, Toà nhà Rainbow, Khu đô thị Văn Quán,  
phường Văn Quán, quận Hà Đông, thành phố Hà Nội

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2014

**3 . TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN**

	31/12/2014	01/01/2014
	VND	VND
Tiền mặt	475.116.467	1.414.762.408
Tiền gửi ngân hàng	9.349.752.132	16.930.189.911
Các khoản tương đương tiền	6.000.000.000	-
	<b>15.824.868.599</b>	<b>18.344.952.319</b>

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2014, các khoản tương đương tiền là khoản tiền gửi có kỳ hạn 01 tháng tại Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Hà Tây với tổng giá trị là 6 tỷ đồng, lãi suất 4,55%/năm.

**4 . CÁC KHOẢN PHẢI THU NGẮN HẠN KHÁC**

	31/12/2014	01/01/2014
	VND	VND
Phải thu về người lao động	746.081.919	978.923.631
Phải thu về lãi tiền gửi, lãi tiền cho vay	16.683.333	-
Phải thu về khối lượng đã hoàn thành Công trình Thủy điện Trung Sơn	-	1.705.751.569
Phải thu tiền vật tư tạm ứng cho các công trình	1.017.633.393	-
Phải thu tiền tạm ứng lương cho người lao động	302.279.483	-
Phải thu khác	82.012.811	463.940.621
	<b>2.164.690.939</b>	<b>3.148.615.821</b>

**5 . HÀNG TỒN KHO**

	31/12/2014	01/01/2014
	VND	VND
Nguyên liệu, vật liệu	6.910.015.793	4.355.645.835
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	70.917.745.303	42.571.535.389
- Công trình thủy điện Lai Châu	5.536.459.495	9.196.996.000
- Công trình Đường Sông	2.243.367.970	12.935.782.000
- Công trình Núi Pháo - Thái Nguyên	10.130.281.048	249.626.320
- Công trình Quốc lộ 1 - Phú Yên	6.853.461.220	10.016.500
- Dự án cải tạo sông Ninh Cơ	13.993.219.199	-
- Dự án Sân phân phối Long Phú	15.232.373.840	-
- Công trình khác	16.928.582.531	20.179.114.569
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	(21.037.532)	(21.037.532)
	<b>77.806.723.564</b>	<b>46.906.143.692</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG VÀ ĐẦU TƯ SÔNG ĐÀ 9**Tầng 5, Toà nhà Rainbow, Khu đô thị Văn Quán,  
phường Văn Quán, quận Hà Đông, thành phố Hà Nội**Báo cáo tài chính**  
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2014**6 . CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC NGẮN HẠN**

	<u>Năm 2014</u>	<u>Năm 2013</u>
	VND	VND
Tại ngày 01/01	-	-
Tăng trong năm	845.232.300	-
Kết chuyển vào chi phí sản xuất kinh doanh	(614.288.150)	-
<b>Tại ngày 31/12</b>	<b><u>230.944.150</u></b>	<b><u>-</u></b>
<b>Chi tiết số dư cuối năm bao gồm:</b>		
	<u>31/12/2014</u>	<u>01/01/2014</u>
	VND	VND
Chi phí trả trước về tiền thuê văn phòng	230.944.150	-
	<b><u>230.944.150</u></b>	<b><u>-</u></b>

**7 . TÀI SẢN NGẮN HẠN KHÁC**

	<u>31/12/2014</u>	<u>01/01/2014</u>
	VND	VND
Tạm ứng	3.589.082.553	4.626.791.202
Các khoản thế chấp, ký quỹ, ký cược	13.000.000	-
	<b><u>3.602.082.553</u></b>	<b><u>4.626.791.202</u></b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG VÀ ĐẦU TƯ SÔNG ĐÀ 9**

Tầng 5, Toà nhà Rainbow, Khu đô thị Văn Quán,  
phường Văn Quán, quận Hà Đông, thành phố Hà Nội

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2014

**8 . TÀI SẢN CỔ ĐỊNH HỮU HÌNH**

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Cộng
	VND	VND	VND	VND	VND
<b>Nguyên giá</b>					
Tại ngày 01/01/2014	11.221.128.927	30.460.702.649	26.995.475.267	327.732.372	69.005.039.215
Mua sắm	-	15.475.079.637	8.923.774.271	-	24.398.853.908
Thanh lý, nhượng bán	-	-	(489.844.300)	-	(489.844.300)
<b>Tại ngày 31/12/2014</b>	<b>11.221.128.927</b>	<b>45.935.782.286</b>	<b>35.429.405.238</b>	<b>327.732.372</b>	<b>92.914.048.823</b>
<b>Giá trị hao mòn lũy kế</b>					
Tại ngày 01/01/2014	5.676.052.344	12.743.794.104	7.183.706.628	124.832.306	25.728.385.382
Trích khấu hao	280.528.224	3.347.072.961	3.060.031.426	61.284.516	6.748.917.127
Thanh lý, nhượng bán	-	-	(451.455.428)	-	(451.455.428)
<b>Tại ngày 31/12/2014</b>	<b>5.956.580.568</b>	<b>16.090.867.065</b>	<b>9.792.282.626</b>	<b>186.116.822</b>	<b>32.025.847.081</b>
<b>Giá trị còn lại</b>					
Tại ngày 01/01/2014	5.545.076.583	17.716.908.545	19.811.768.639	202.900.066	43.276.653.833
<b>Tại ngày 31/12/2014</b>	<b>5.264.548.359</b>	<b>29.844.915.221</b>	<b>25.637.122.612</b>	<b>141.615.550</b>	<b>60.888.201.742</b>

*Trong đó:*

- Giá trị còn lại cuối năm của tài sản cố định hữu hình đã dùng thế chấp, cầm cố đảm bảo các khoản vay: 59.788.549.489 VND
- Nguyên giá tài sản cố định cuối năm đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng: 6.135.677.938 VND

**CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG VÀ ĐẦU TƯ SÔNG ĐÀ 9**

Tầng 5, Toà nhà Rainbow, Khu đô thị Văn Quán,  
phường Văn Quán, quận Hà Đông, thành phố Hà Nội

Báo cáo tài chính  
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2014

**9 . CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỒ DANG**

	Năm 2014	Năm 2013
	VND	VND
Tại ngày 01/01	831.947.221	2.226.066.740
Tăng trong năm	24.783.541.181	6.116.820.414
Kết chuyển tăng tài sản cố định	(24.398.853.908)	(7.510.939.933)
Giảm khác	(2.727.273)	-
<b>Tại ngày 31/12</b>	<b><u>1.213.907.221</u></b>	<b><u>831.947.221</u></b>
<b>Chi tiết số dư cuối năm bao gồm:</b>		
	31/12/2014	01/01/2014
	VND	VND
Xây dựng cơ bản dở dang	1.213.907.221	831.947.221
Chi phí xây dựng văn phòng tại Đà Nẵng	1.213.907.221	831.947.221
	<b><u>1.213.907.221</u></b>	<b><u>831.947.221</u></b>

**10 . CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC DÀI HẠN**

	Năm 2014	Năm 2013
	VND	VND
Tại ngày 01/01	907.199.208	802.173.272
Tăng trong năm	2.922.705.993	1.396.683.577
Kết chuyển vào chi phí sản xuất kinh doanh	(1.543.064.848)	(1.291.657.641)
<b>Tại ngày 31/12</b>	<b><u>2.286.840.353</u></b>	<b><u>907.199.208</u></b>
<b>Chi tiết số dư cuối năm bao gồm:</b>		
	31/12/2014	01/01/2014
	VND	VND
Chi phí công cụ dụng cụ chờ phân bổ	1.850.551.493	907.199.208
Chi phí sửa chữa văn phòng	436.288.860	-
	<b><u>2.286.840.353</u></b>	<b><u>907.199.208</u></b>

**11 . VAY VÀ NỢ NGẮN HẠN**

	31/12/2014	01/01/2014
	VND	VND
Vay ngắn hạn	78.364.849.996	52.701.837.150
Vay ngân hàng	78.364.849.996	49.881.731.594
Vay đối tượng khác	-	2.820.105.556
Nợ dài hạn đến hạn trả	8.080.392.000	3.938.042.000
Vay dài hạn đến hạn trả	8.080.392.000	3.938.042.000
(Xem thuyết minh 15)		
	<b><u>86.445.241.996</u></b>	<b><u>56.639.879.150</u></b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG VÀ ĐẦU TƯ SÔNG ĐÀ 9**Tầng 5, Toà nhà Rainbow, Khu đô thị Văn Quán,  
phường Văn Quán, quận Hà Đông, thành phố Hà Nội

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2014

**Chi tiết vay ngắn hạn**

	31/12/2014	01/01/2014
	VND	VND
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - CN Hà Tây <sup>(1)</sup>	71.986.699.591	49.881.731.594
Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - CN Đông Anh <sup>(2)</sup>	6.378.150.405	-
Vay cá nhân	-	2.820.105.556
	<b>78.364.849.996</b>	<b>52.701.837.150</b>

**Chi tiết nợ dài hạn đến hạn trả**

	31/12/2014	01/01/2014
	VND	VND
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - CN Hà Tây	6.857.150.000	2.896.000.000
Ngân hàng Nông nghiệp và PTNT Việt Nam - CN Hùng Vương	1.042.042.000	1.042.042.000
Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - CN Đông Anh	122.000.000	-
Công ty Tài chính Cổ phần Sông Đà	59.200.000	-
	<b>8.080.392.000</b>	<b>3.938.042.000</b>

**Thông tin bổ sung cho các khoản vay ngắn hạn**

(1) Hợp đồng tín dụng số 01/2014/283367/HĐTD ngày 20/06/2014, với các điều khoản chi tiết sau:

- + Hạn mức tín dụng: 80 tỷ đồng gồm cả VND và ngoại tệ quy đổi;
- + Mục đích vay: bổ sung vốn lưu động, bảo lãnh, mở L/C;
- + Thời hạn rút vốn của hợp đồng: đến hết 30/06/2015;
- + Lãi suất cho vay: được xác định cụ thể trong từng thời kỳ;
- + Các hình thức bảo đảm tiền vay: khoản vay được đảm bảo bằng tài sản theo quy định tại Hợp đồng.

(2) Hợp đồng tín dụng số DAH-HĐCTD/14039 ngày 23/07/2014, với các điều khoản chi tiết sau:

- + Hạn mức tín dụng: 10 tỷ đồng;
- + Mục đích vay: bổ sung vốn lưu động cho hoạt động sản xuất kinh doanh;
- + Thời hạn rút vốn của hợp đồng: không quá 12 tháng kể từ ngày Hợp đồng có hiệu lực;
- + Lãi suất cho vay: được xác định cụ thể trong từng thời kỳ;
- + Các hình thức bảo đảm tiền vay: tín chấp.

**12 . THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC**

	31/12/2014	01/01/2014
	VND	VND
Thuế Giá trị gia tăng	913.214.697	6.012.937.033
Thuế Thu nhập doanh nghiệp	2.819.655.670	4.360.104.181
Thuế Thu nhập cá nhân	994.579.111	719.772.018
Thuế Nhà đất, Tiền thuê đất	286.759.450	286.759.450
Các loại thuế khác	5.190.507	5.190.507
Phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác	2.620.419.329	238.196.705
	<b>7.639.818.764</b>	<b>11.622.959.894</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG VÀ ĐẦU TƯ SÔNG ĐÀ 9**Tầng 5, Toà nhà Rainbow, Khu đô thị Văn Quán,  
phường Văn Quán, quận Hà Đông, thành phố Hà Nội

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2014

Quyết toán thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các qui định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính có thể bị thay đổi theo quyết định của cơ quan thuế.

**13 . CHI PHÍ PHẢI TRẢ**

	31/12/2014	01/01/2014
	VND	VND
Chi phí lãi vay phải trả	148.682.555	130.808.310
Trích trước chi phí công trình Núi Pháo	3.942.212.727	-
Trích trước chi phí công trình Kè Sông Hồng	83.333.636	-
Chi phí phải trả khác	46.590.684	24.772.502
	<b>4.220.819.602</b>	<b>155.580.812</b>

**14 . CÁC KHOẢN PHẢI TRẢ, PHẢI NỘP NGẮN HẠN KHÁC**

	31/12/2014	01/01/2014
	VND	VND
Kinh phí công đoàn	56.304.865	269.241.694
Bảo hiểm xã hội	416.196.192	621.459.928
Bảo hiểm thất nghiệp	10.772.282	7.921.890
Phải trả cổ tức cho cổ đông	-	2.450.000.000
Phụ phí phải trả CTCP Sông Đà 9	-	231.762.446
Lãi BHXH chậm nộp	284.982.033	224.031.344
Phải trả tiền vật tư nhận ứng trước cho các công trình	503.181.900	-
Phải trả, phải nộp khác	915.808.005	849.464.526
	<b>2.187.245.277</b>	<b>4.653.881.828</b>

**15 . VAY VÀ NỢ DÀI HẠN**

	31/12/2014	01/01/2014
	VND	VND
Vay dài hạn	12.435.003.776	10.780.755.776
Vay ngân hàng	12.227.803.776	10.780.755.776
Vay đối tượng khác	207.200.000	-
	<b>12.435.003.776</b>	<b>10.780.755.776</b>

**Chi tiết vay dài hạn**

	31/12/2014	01/01/2014
	VND	VND
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển - CN Hà Tây <sup>(1)</sup>	9.859.287.776	9.217.697.776
Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn - CN Hùng Vương <sup>(2)</sup>	521.016.000	1.563.058.000
Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - CN Đông Anh <sup>(3)</sup>	1.847.500.000	-
Công ty Tài chính Cổ phần Sông Đà <sup>(4)</sup>	207.200.000	-
	<b>12.435.003.776</b>	<b>10.780.755.776</b>



**Thông tin bổ sung cho các khoản vay dài hạn**

STT	Ngân hàng	Hạn mức vay	Lãi suất	Thời hạn vay	Số dư nợ gốc vay đến 31/12/2014 (VND)	Số dư nợ gốc phải trả trong năm tới (VND)	Mục đích vay	Phương thức đảm bảo tiền vay
1	Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - CN Hà Tây				16.716.437.776	6.857.150.000		
	HETD số 01/2010/HĐ ngày 16/12/2010 và phụ lục bổ sung	3.699.150.000	Được quy định trong từng thời kỳ	60 tháng	749.150.000	749.150.000	Đầu tư 04 máy xúc bánh xích - Nâng cao năng lực thiết bị thi công	Thế chấp
	HETD số 01/2011/HĐ ngày 17/06/2011	881.000.000	Được quy định trong từng thời kỳ	60 tháng	265.000.000	176.000.000	Đầu tư 01 máy ủi - Nâng cao năng lực thiết bị thi công	Thế chấp
	HETD số 02/2011/HĐ ngày 07/10/2011 và phụ lục bổ sung	8.678.000.000	Được quy định trong từng thời kỳ	60 tháng	3.195.000.000	1.800.000.000	Đầu tư nâng cao năng lực thiết bị thi công năm 2011	Thế chấp
	HETD số 01/2012/HĐ ngày 26/06/2012	950.000.000	Được quy định trong từng thời kỳ	60 tháng	500.000.000	200.000.000	Đầu tư cho dự án đầu tư xe máy thiết bị năm 2012 - Giai đoạn 1	Thế chấp
	HETD số 02/2012/HĐ ngày 29/10/2012 và phụ lục bổ sung	9.037.287.776	Được quy định trong từng thời kỳ	60 tháng	6.137.287.776	2.200.000.000	Đầu tư dự án nâng cao năng lực thiết bị thi công năm 2012 - Giai đoạn 1	Thế chấp
	HETD số 02/2014/283367/HĐTD ngày 18/09/2014	6.382.000.000	Được quy định trong từng thời kỳ	60 tháng	1.387.000.000	292.000.000	Đầu tư dự án nâng cao năng lực thiết bị thi công năm 2014 - Giai đoạn 3	Thế chấp
	HETD số 03/2014/283367/HĐTD ngày 20/11/2014	6.900.000.000	Được quy định trong từng thời kỳ	60 tháng	4.193.000.000	1.380.000.000	Đầu tư dự án nâng cao năng lực thiết bị thi công năm 2014 - Giai đoạn 5	Thế chấp
	HETD số .../2014/283367/HĐTD ngày .../.../2014	6.800.000.000	Được quy định trong từng thời kỳ	60 tháng	290.000.000	60.000.000	Đầu tư dự án nâng cao năng lực thiết bị thi công năm 2014 - Giai đoạn 6	Thế chấp



**Thông tin bổ sung cho các khoản vay dài hạn**

STT	Ngân hàng	Hạn mức vay	Lãi suất	Thời hạn vay	Số dư nợ gốc vay đến 31/12/2014 (VNĐ)	Số dư nợ gốc phải trả trong năm tới (VNĐ)	Mục đích vay	Phương thức đảm bảo tiền vay
2	Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn - CN Hùng Vương				1.563.058.000	1.042.042.000		
	HỆTD số 1482LAV201000624 ngày 30/12/2010	5.210.205.000	Được quy định trong từng thời kỳ	60 tháng	1.563.058.000	1.042.042.000	Đầu tư mua 02 máy xúc Model SK330-8	Thế chấp
3	Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - CN Đông Anh				1.969.500.000	122.000.000		
	HỆTD số DAH-HBCTD/14082 ngày 22/09/2014	610.000.000	Được quy định trong từng thời kỳ	60 tháng	579.500.000	122.000.000	Thanh toán một phần tiền mua xe Ranger Wildtrak 3.2	Thế chấp
	HỆTD số DAH-HBCTD/14084 ngày 10/10/2014	3.830.000.000	Được quy định trong từng thời kỳ	60 tháng	390.000.000	-	Đầu tư dự án nâng cao năng lực thiết bị thi công năm 2014 - Giai đoạn 3	Thế chấp
	HỆTD số DAH-HBCTD/14102 ngày 24/10/2014	4.050.000.000	Được quy định trong từng thời kỳ	42 tháng	1.000.000.000	-	Đầu tư dự án nâng cao năng lực thiết bị thi công năm 2014 - Giai đoạn 4	Thế chấp
4	Công ty Tài chính Cổ phần Sông Đà				266.400.000	59.200.000		
	HỆTD số 00200114/003/14/HBTD ngày 16/05/2014	296.345.000	Được quy định trong từng thời kỳ	60 tháng	266.400.000	59.200.000	Đầu tư xe ô tô tải để nâng cao năng lực thiết bị thi công	Thế chấp
	<b>Tổng cộng</b>				<b>20.515.395.776</b>	<b>8.080.392.000</b>		

**CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG VÀ ĐẦU TƯ SÔNG ĐÀ 9**

Tầng 5, Toà nhà Rainbow, Khu đô thị Văn Quán,  
phường Văn Quán, quận Hà Đông, thành phố Hà Nội

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2014

**16 . VỐN CHỦ SỞ HỮU**

**a) Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu**

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu		Quỹ đầu tư phát triển		Quỹ dự phòng tài chính		Lợi nhuận chưa phân phối		Cộng
	VND	%	VND	%	VND	%	VND	%	
Tại ngày 01/01/2013	50.000.000.000		644.512.439		270.835.704		7.566.729.686		58.482.077.829
Lãi trong năm	-		-		-		6.715.245.345		6.715.245.345
Phân phối lợi nhuận	-		1.336.307.976		322.016.544		(7.473.550.990)		(5.815.226.470)
Giảm khác	-		-		-		(11.000.000)		(11.000.000)
Tại ngày 31/12/2013	50.000.000.000		1.980.820.415		592.852.248		6.797.424.041		59.371.096.704
Lãi trong năm	-		-		-		8.142.876.894		8.142.876.894
Phân phối lợi nhuận	-		640.424.535		320.212.267		(1.772.976.429)		(812.339.627)
Tại ngày 31/12/2014	50.000.000.000		2.621.244.950		913.064.515		13.167.324.506		66.701.633.971

Theo Nghị quyết của Đại Hội đồng cổ đông số 01/NQ-SINCO-ĐHĐCĐ ngày 18 tháng 04 năm 2014, Công ty công bố việc phân phối lợi nhuận năm 2013 như sau:

	Tỷ lệ	Số tiền
	%	VND
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	100,00%	6.704.245.345
Trích Quỹ đầu tư phát triển	9,55%	640.424.535
Trích Quỹ dự phòng tài chính	4,78%	320.212.267
Trích Quỹ khen thưởng, phúc lợi	7,64%	512.339.627
Thù lao HĐQT, BKS không chuyên trách	4,47%	300.000.000
Lợi nhuận chưa phân phối	73,55%	4.931.268.916

**CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG VÀ ĐẦU TƯ SÔNG ĐÀ 9**

Tầng 5, Toà nhà Rainbow, Khu đô thị Văn Quán,  
phường Văn Quán, quận Hà Đông, thành phố Hà Nội

Báo cáo tài chính  
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2014

**b) Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu**

	Tỷ lệ (%)	31/12/2014 VND	Tỷ lệ (%)	01/01/2014 VND
Công ty Cổ phần Sông Đà 9	0,00%	-	51,00%	25.500.000.000
Công ty Cổ phần Chứng khoán IB	5,00%	2.500.000.000	0,00%	-
Ông Đào Gia Thắng	7,26%	3.630.000.000	0,00%	-
Ông Nguyễn Công Hùng	2,74%	1.371.000.000	0,00%	-
Vốn góp của cổ đông khác	85,00%	42.499.000.000	49,00%	24.500.000.000
	<b>100%</b>	<b>50.000.000.000</b>	<b>100%</b>	<b>50.000.000.000</b>

Đến thời điểm 16/12/2014, Công ty Cổ phần Sông Đà 9 đã thoái toàn bộ vốn tại Công ty Cổ phần Xây dựng và Đầu tư Sông Đà với tổng số lượng cổ phiếu là 2.550.000 cổ phiếu, tương đương với giá trị 25,5 tỷ đồng.

**c) Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận**

	Năm 2014 VND	Năm 2013 VND
Vốn đầu tư của chủ sở hữu	50.000.000.000	50.000.000.000
- Vốn góp đầu năm	50.000.000.000	50.000.000.000
- Vốn góp cuối năm	50.000.000.000	50.000.000.000

**d) Cổ phiếu**

	31/12/2014	01/01/2014
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	5.000.000	5.000.000
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	5.000.000	5.000.000
- Cổ phiếu phổ thông	5.000.000	5.000.000
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	5.000.000	5.000.000
- Cổ phiếu phổ thông	5.000.000	5.000.000
Mệnh giá cổ phiếu đã lưu hành (VND)	10.000	10.000

**e) Các quỹ công ty**

	31/12/2014 VND	01/01/2014 VND
Quỹ đầu tư phát triển	2.621.244.950	1.980.820.415
Quỹ dự phòng tài chính	913.064.515	592.852.248
	<b>3.534.309.465</b>	<b>2.573.672.663</b>

**17 . TỔNG DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ**

	Năm 2014 VND	Năm 2013 VND
Doanh thu hoạt động xây lắp	205.174.781.179	168.934.760.010
Doanh thu bán hàng hóa	12.403.639.678	14.561.381.543
Doanh thu cung cấp dịch vụ	1.388.403.579	915.140.148
	<b>218.966.824.436</b>	<b>184.411.281.701</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG VÀ ĐẦU TƯ SÔNG ĐÀ 9**Tầng 5, Toà nhà Rainbow, Khu đô thị Văn Quán,  
phường Văn Quán, quận Hà Đông, thành phố Hà Nội**Báo cáo tài chính**  
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2014**18 . GIÁ VỐN HÀNG BÁN**

	<u>Năm 2014</u>	<u>Năm 2013</u>
	VND	VND
Giá vốn của hoạt động xây lắp	172.795.289.441	144.831.662.210
Giá vốn của hàng hóa đã bán	11.307.599.284	13.014.521.930
Giá vốn của dịch vụ đã cung cấp	1.196.207.960	948.189.755
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	-	21.037.532
	<u><u>185.299.096.685</u></u>	<u><u>158.815.411.427</u></u>

**19 . DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH**

	<u>Năm 2014</u>	<u>Năm 2013</u>
	VND	VND
Lãi tiền gửi, lãi cho vay vốn	51.951.223	134.596.865
	<u><u>51.951.223</u></u>	<u><u>134.596.865</u></u>

**20 . CHI PHÍ TÀI CHÍNH**

	<u>Năm 2014</u>	<u>Năm 2013</u>
	VND	VND
Lãi tiền vay	6.573.837.893	6.185.114.766
Lỗ chênh lệch tỷ giá phát sinh trong năm	-	17.812.659
Lỗ chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư cuối năm	61.146	-
	<u><u>6.573.899.039</u></u>	<u><u>6.202.927.425</u></u>

**21 . CHI PHÍ BÁN HÀNG**

	<u>Năm 2014</u>	<u>Năm 2013</u>
	VND	VND
Chi phí dịch vụ mua ngoài	174.045.456	93.867.348
	<u><u>174.045.456</u></u>	<u><u>93.867.348</u></u>

**CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG VÀ ĐẦU TƯ SÔNG ĐÀ 9**Tầng 5, Toà nhà Rainbow, Khu đô thị Văn Quán,  
phường Văn Quán, quận Hà Đông, thành phố Hà Nội**Báo cáo tài chính**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2014

**22 . CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP**

	<u>Năm 2014</u>	<u>Năm 2013</u>
	VND	VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu, đồ dùng	1.193.003.994	1.225.510.883
Chi phí nhân công	7.378.590.967	4.946.693.202
Chi phí khấu hao tài sản cố định	701.799.945	659.794.314
Thuế, phí, lệ phí	271.835.359	202.583.150
Chi phí dự phòng	-	625.805.931
Chi phí dịch vụ mua ngoài	1.879.373.452	692.204.763
Chi phí khác bằng tiền	1.841.200.548	1.519.415.310
	<u><b>13.265.804.265</b></u>	<u><b>9.872.007.553</b></u>

**23 . THU NHẬP KHÁC**

	<u>Năm 2014</u>	<u>Năm 2013</u>
	VND	VND
Thu nhập từ thanh lý tài sản	75.795.455	-
Tiền bồi thường giải phóng mặt bằng	-	367.060.500
Tiền thưởng mua xi măng từ CTCP Xi măng Hạ Long	15.089.027	255.788.000
Thu nhập khác	7.150.000	5.352.815
	<u><b>98.034.482</b></u>	<u><b>628.201.315</b></u>

**24 . CHI PHÍ KHÁC**

	<u>Năm 2014</u>	<u>Năm 2013</u>
	VND	VND
Chi phí thanh lý tài sản	38.388.872	-
Tiền phạt và truy thu thuế	2.530.030.745	395.776.864
Tiền phạt chậm nộp BHXH	64.228.052	124.363.230
Chi phí khác	-	1.850.000
	<u><b>2.632.647.669</b></u>	<u><b>521.990.094</b></u>

**CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG VÀ ĐẦU TƯ SÔNG ĐÀ 9**Tầng 5, Toà nhà Rainbow, Khu đô thị Văn Quán,  
phường Văn Quán, quận Hà Đông, thành phố Hà Nội**Báo cáo tài chính**  
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2014**25 . THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH**

	Năm 2014	Năm 2013
	VND	VND
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	11.171.317.027	9.127.657.158
Các khoản điều chỉnh tăng	2.594.319.943	521.990.094
- Chi phí không hợp lệ	2.594.258.797	521.990.094
- Chênh lệch tỷ giá	61.146	-
Các khoản điều chỉnh giảm	-	-
Tổng thu nhập tính thuế	13.765.636.970	9.649.647.252
Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	22%	25%
<b>Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành</b>	<b>3.028.440.133</b>	<b>2.412.411.813</b>
Điều chỉnh thuế thu nhập doanh nghiệp của các năm trước vào thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp năm nay	10.006.818	156.253.806
Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp đầu năm	4.360.104.181	3.422.013.331
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp trong năm	(4.578.895.462)	(1.630.574.769)
<b>Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp cuối năm</b>	<b>2.819.655.670</b>	<b>4.360.104.181</b>

**26 . LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU**

Việc tính toán lãi cơ bản trên cổ phiếu có thể phân phối cho các cổ đông sở hữu cổ phần phổ thông của Công ty được thực hiện dựa trên các số liệu sau :

	Năm 2014	Năm 2013
	VND	VND
Tổng lợi nhuận sau thuế	8.142.876.894	6.715.245.345
Lợi nhuận phân bổ cho cổ phiếu phổ thông	8.142.876.894	6.715.245.345
Cổ phiếu phổ thông lưu hành bình quân trong năm	5.000.000	5.000.000
<b>Lãi cơ bản trên cổ phiếu</b>	<b>1.629</b>	<b>1.343</b>

**27 . CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH THEO YẾU TỐ**

	Năm 2014	Năm 2013
	VND	VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	38.230.736.124	45.241.207.239
Chi phí nhân công	15.651.767.099	13.158.769.199
Chi phí khấu hao tài sản cố định	6.748.917.127	5.612.362.827
Chi phí dịch vụ mua ngoài	108.528.459.898	58.511.794.214
Chi phí khác bằng tiền	44.485.426.351	31.090.726.200
<b>Tổng chi phí sản xuất kinh doanh</b>	<b>213.645.306.599</b>	<b>153.614.859.679</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG VÀ ĐẦU TƯ SÔNG ĐÀ 9**Tầng 5, Toà nhà Rainbow, Khu đô thị Văn Quán,  
phường Văn Quán, quận Hà Đông, thành phố Hà Nội

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2014

**28 . CÔNG CỤ TÀI CHÍNH**

Các loại công cụ tài chính của Công ty bao gồm:

	Giá trị sổ kế toán			
	31/12/2014		01/01/2014	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND
<b>Tài sản tài chính</b>				
Tiền và các khoản tương đương tiền	15.824.868.599	-	18.344.952.319	-
Phải thu khách hàng, phải thu khác	108.399.160.048	(604.768.399)	82.427.948.220	(604.768.399)
	<u>124.224.028.647</u>	<u>(604.768.399)</u>	<u>100.772.900.539</u>	<u>(604.768.399)</u>

	Giá trị sổ kế toán	
	31/12/2014	01/01/2014
	VND	VND
<b>Nợ phải trả tài chính</b>		
Vay và nợ	98.880.245.772	67.420.634.926
Phải trả người bán, phải trả khác	37.979.158.960	28.654.191.632
Chi phí phải trả	4.220.819.602	155.580.812
	<u>141.080.224.334</u>	<u>96.230.407.370</u>

Tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính chưa được đánh giá lại theo giá trị hợp lý tại ngày kết thúc kỳ kế toán do Thông tư 210/2009/TT-BTC và các quy định hiện hành yêu cầu trình bày Báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra các hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính, ngoại trừ các khoản trích lập dự phòng nợ phải thu khó đòi và dự phòng giảm giá các khoản đầu tư chứng khoán đã được nêu chi tiết tại các Thuyết minh liên quan.

**Quản lý rủi ro tài chính**

Rủi ro tài chính của Công ty bao gồm rủi ro thị trường, rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản. Công ty đã xây dựng hệ thống kiểm soát nhằm đảm bảo sự cân bằng ở mức hợp lý giữa chi phí rủi ro phát sinh và chi phí quản lý rủi ro. Ban Giám đốc Công ty có trách nhiệm theo dõi quy trình quản lý rủi ro để đảm bảo sự cân bằng hợp lý giữa rủi ro và kiểm soát rủi ro.

**Rủi ro thị trường**

Hoạt động kinh doanh của Công ty sẽ chủ yếu chịu rủi ro khi có sự thay đổi về tỷ giá hối đoái và lãi suất.

**Rủi ro về tỷ giá hối đoái:**

Công ty chịu rủi ro về tỷ giá do giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của tỷ giá ngoại tệ khi các khoản vay, doanh thu và chi phí của Công ty được thực hiện bằng đơn vị tiền tệ khác với đồng Việt Nam.



**CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG VÀ ĐẦU TƯ SÔNG ĐÀ 9**Tầng 5, Toà nhà Rainbow, Khu đô thị Văn Quán,  
phường Văn Quán, quận Hà Đông, thành phố Hà Nội

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2014

**Rủi ro về lãi suất:**

Công ty chịu rủi ro về lãi suất do giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường khi Công ty có phát sinh các khoản tiền gửi có hoặc không có kỳ hạn, các khoản vay và nợ chịu lãi suất thả nổi. Công ty quản lý rủi ro lãi suất bằng cách phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường để có được các lãi suất có lợi cho mục đích của Công ty.

**Rủi ro tín dụng**

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong một công cụ tài chính hoặc hợp đồng không có khả năng thực hiện được nghĩa vụ của mình dẫn đến tổn thất về tài chính cho Công ty. Công ty có các rủi ro tín dụng từ hoạt động sản xuất kinh doanh (chủ yếu đối với các khoản phải thu khách hàng) và hoạt động tài chính (bao gồm tiền gửi ngân hàng, cho vay và các công cụ tài chính khác).

	Từ 1 năm trở xuống VND	Trên 1 năm đến 5 năm VND	Trên 5 năm VND	Tổng VND
<b>Tại ngày 31/12/2014</b>				
Tiền và các khoản tương đương tiền	15.824.868.599	-	-	15.824.868.599
Phải thu khách hàng, phải thu khác	107.794.391.649	-	-	107.794.391.649
	<u>123.619.260.248</u>	<u>-</u>	<u>-</u>	<u>123.619.260.248</u>
<b>Tại ngày 01/01/2014</b>				
Tiền và các khoản tương đương tiền	18.344.952.319	-	-	18.344.952.319
Phải thu khách hàng, phải thu khác	81.823.179.821	-	-	81.823.179.821
	<u>100.168.132.140</u>	<u>-</u>	<u>-</u>	<u>100.168.132.140</u>

**Rủi ro thanh khoản**

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Công ty gặp khó khăn khi thực hiện các nghĩa vụ tài chính do thiếu vốn. Rủi ro thanh khoản của Công ty chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có các thời điểm đáo hạn khác nhau.

Thời hạn thanh toán của các khoản nợ phải trả tài chính dựa trên các khoản thanh toán dự kiến theo hợp đồng (trên cơ sở dòng tiền của các khoản gốc) như sau:

**CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG VÀ ĐẦU TƯ SÔNG ĐÀ 9**Tầng 5, Toà nhà Rainbow, Khu đô thị Văn Quán,  
phường Văn Quán, quận Hà Đông, thành phố Hà Nội**Báo cáo tài chính**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2014

	Từ 1 năm trở xuống	Trên 1 năm đến 5 năm	Trên 5 năm	Cộng
	VND	VND	VND	VND
<b>Tại ngày 31/12/2014</b>				
Vay và nợ	86.445.241.996	12.435.003.776	-	98.880.245.772
Phải trả người bán, phải trả khác	37.979.158.960	-	-	37.979.158.960
Chi phí phải trả	4.220.819.602	-	-	4.220.819.602
	<u>128.645.220.558</u>	<u>12.435.003.776</u>	<u>-</u>	<u>141.080.224.334</u>
<b>Tại ngày 01/01/2014</b>				
Vay và nợ	56.639.879.150	10.780.755.776	-	67.420.634.926
Phải trả người bán, phải trả khác	28.654.191.632	-	-	28.654.191.632
Chi phí phải trả	155.580.812	-	-	155.580.812
	<u>85.449.651.594</u>	<u>10.780.755.776</u>	<u>-</u>	<u>96.230.407.370</u>

Công ty cho rằng mức độ tập trung rủi ro đối với việc trả nợ là thấp. Công ty có khả năng thanh toán các khoản nợ đến hạn từ dòng tiền từ hoạt động kinh doanh và tiền thu từ các tài sản tài chính đáo hạn.

**29 . NHỮNG SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC KỲ KẾ TOÁN NĂM**

Ngày 29/01/2015, Công ty thực hiện tổ chức họp Đại hội đồng Cổ đông bất thường và thông qua Nghị quyết số 01/NQ-SICCO-ĐHĐCĐ ngày 29/01/2015 về một số nội dung liên quan đến kế hoạch sản xuất kinh doanh của Công ty năm 2015 và những năm tiếp theo. Theo đó, Công ty sẽ tăng vốn điều lệ thông qua phương án chào bán cho cổ đông hiện hữu với số lượng 4.250.000 cổ phiếu, mệnh giá 10.000 đồng/cổ phiếu, phát hành thêm 500.000 cổ phiếu để tạm ứng cổ tức năm 2014 cho các cổ đông và chào bán 250.000 cổ phiếu cho các cán bộ công nhân viên. Tổng số lượng cổ phiếu dự kiến chào bán thêm là 5.000.000 cổ phiếu, tương ứng với giá trị là 50 tỷ đồng. Đồng thời Công ty cũng dự kiến phát hành 500.000 trái phiếu chuyển đổi, không có tài sản đảm bảo với mệnh giá 100.000 đồng/trái phiếu, kỳ hạn 03 năm, lãi suất 9%/năm.

Ông Nguyễn Công Hùng thôi giữ chức vụ Giám đốc điều hành Công ty từ ngày 16/01/2015 theo Quyết định số 01/QĐ-SICCO-HĐQT ngày 16/01/2015 của Hội đồng Quản trị Công ty. Đồng thời ông Hoàng Công Tuấn được bổ nhiệm làm Giám đốc điều hành Công ty kể từ ngày 16/01/2015 theo Quyết định số 02/QĐ-SICCO-HĐQT ngày 16/01/2015 của Hội đồng Quản trị Công ty.

Ngoài ra, không có sự kiện trọng yếu nào xảy ra sau ngày kết thúc kỳ kế toán năm đòi hỏi được điều chỉnh hay công bố trên Báo cáo tài chính.

**CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG VÀ ĐẦU TƯ SÔNG ĐÀ 9**

Tầng 5, Toà nhà Rainbow, Khu đô thị Văn Quán,  
phường Văn Quán, quận Hà Đông, thành phố Hà Nội

Báo cáo tài chính  
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2014

**30 . BÁO CÁO BỘ PHẬN**

Theo lĩnh vực kinh doanh

	Hoạt động xây lắp		Hoạt động bán hàng hóa		Hoạt động cung cấp dịch vụ		Tổng cộng các bộ phận		Tổng cộng toàn doanh nghiệp	
	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ	205.174.781.179	12.403.639.678	1.388.403.579	218.966.824.436	1.388.403.579	218.966.824.436	218.966.824.436	218.966.824.436	218.966.824.436	218.966.824.436
Chi phí bộ phận trực tiếp	172.795.289.441	11.307.599.284	1.196.207.960	185.299.096.685	1.196.207.960	185.299.096.685	185.299.096.685	185.299.096.685	185.299.096.685	185.299.096.685
<b>Lợi nhuận gộp từ hoạt động kinh doanh</b>	<b>32.379.491.738</b>	<b>1.096.040.394</b>	<b>192.195.619</b>	<b>33.667.727.751</b>	<b>192.195.619</b>	<b>33.667.727.751</b>	<b>33.667.727.751</b>	<b>33.667.727.751</b>	<b>33.667.727.751</b>	<b>33.667.727.751</b>
Tài sản bộ phận trực tiếp	217.067.398.170	6.888.978.261	30.901.670.971	254.858.047.402	30.901.670.971	254.858.047.402	254.858.047.402	254.858.047.402	254.858.047.402	254.858.047.402
Tài sản không phân bổ	-	-	-	-	-	-	-	-	-	19.522.634.954
<b>Tổng tài sản</b>	<b>217.067.398.170</b>	<b>6.888.978.261</b>	<b>30.901.670.971</b>	<b>254.858.047.402</b>	<b>30.901.670.971</b>	<b>254.858.047.402</b>	<b>254.858.047.402</b>	<b>254.858.047.402</b>	<b>274.380.682.356</b>	<b>274.380.682.356</b>
Nợ phải trả bộ phận trực tiếp	185.658.463.112	2.384.711.900	-	188.043.175.012	-	188.043.175.012	188.043.175.012	188.043.175.012	188.043.175.012	188.043.175.012
Nợ phải trả không phân bổ	-	-	-	-	-	-	-	-	-	19.635.873.373
<b>Tổng nợ phải trả</b>	<b>185.658.463.112</b>	<b>2.384.711.900</b>	<b>-</b>	<b>188.043.175.012</b>	<b>-</b>	<b>188.043.175.012</b>	<b>188.043.175.012</b>	<b>188.043.175.012</b>	<b>207.679.048.385</b>	<b>207.679.048.385</b>

Theo khu vực địa lý

Hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty chủ yếu diễn ra trên lãnh thổ Việt Nam do vậy Công ty không thực hiện lập báo cáo bộ phận theo khu vực địa lý.



**CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG VÀ ĐẦU TƯ SÔNG ĐÀ 9**

Tầng 5, Toà nhà Rainbow, Khu đô thị Văn Quán,  
phường Văn Quán, quận Hà Đông, thành phố Hà Nội

**Báo cáo tài chính**  
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2014

**31 . NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN**

Giao dịch với các bên liên quan khác như sau:

	Năm 2014	Năm 2013
	VND	VND
Thu nhập của Ban Giám đốc và Hội đồng Quản trị	1.268.807.915	856.787.088

**32 . SỐ LIỆU SO SÁNH**

Số liệu so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013, đã được Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC kiểm toán. Trong năm 2014, Công ty thực hiện thay đổi phương pháp lập Báo cáo Lưu chuyển tiền tệ, theo đó báo cáo lưu chuyển tiền tệ năm 2013 được lập lại theo phương pháp gián tiếp để so sánh với số liệu năm nay.

Lê Thị Thu Hiền  
Người lập

Trần Kim Sơn  
Kế toán trưởng



Hoàng Công Tuấn  
Giám đốc

Hà Nội, ngày 29 tháng 01 năm 2015

